



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE TAN TRI
Last Middle First

Current Address: 48/3 Trần Phú, K. 2, F. 1, Sàdec City, Đồng Tháp

Date of Birth: 1937 Place of Birth: Sàdec

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6/75 To 9/81
Years: 6 Months: 4 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Le Tân Tri
Last Middle First

Current Address: _____

Date of Birth: 04/24/37 Place of Birth: Viet Nam

Previous Occupation (before 1975) CPT
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6/20/75 To 9/1/81
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

SaĐéc, ngày 30-12-1989

Chị Kính mến,

Hôm trước em có gửi hồ sơ sang xin
chị nâng đỡ giúp em. Em đã nhận được hồi báo
và thư của chị em mừng quá chị ơi!

Nay em xin bổ túc thêm hồ sơ của
em như sau:

- Giấy ra trại
- Giấy chứng minh nhân dân
- Ảnh rõ chống em và các con

Ngoài các thủ giấy tờ cũ trước 1975 em
không còn giữ được. Mong chị giúp đỡ cho em.

Không còn bao lâu nữa tết Việt Nam đã đến.
cả gia đình em kính chúc chị sang năm mới được
hồ đào sức khỏe và mọi sự như ý muốn.

Em của chị

Mu

Lê Tài - Tài

Số 48/3 đường Trần Phú
Khóm 2, Phường 1 Thị xã SaĐéc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Số 11576

Gi' Văn Văn

Tên thường gọi 1

Nơi thường trú Thị trấn

1. Xã An -

Dấu vết riêng hoặc di hình ~~Đã làm thủ tục~~

~~Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh~~

nhân dân tại: Đ.

Hẹn đến ngày / / 19 trả giấy CMND



Ngày 02/10/1985
(Ghi rõ họ, tên người ký)

[Handwritten signature]
Trần Văn An



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Số 15-8

Quí Văn Quí

Tên thường gọi 1

Nơi thường trú Thị trấn Quí

1 Xã An -

Dấu vết riêng hoặc di hình *Đã có*

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân tại:

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân tại: *Đ.*

Hẹn đến ngày / 19 trả giấy CMND

Ngày *02/10/1985*

(Ghi rõ họ, tên người ký)

Nguyễn Văn An

Nguyễn Văn An

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, Ban

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

hành theo công văn số

2365 ngày 27 tháng 11

năm 1972

Trại Xuân Lộc.

Số 867 CRT

0 0 3 3 7 9 0 3 6 2

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 56/99, ngày 28 tháng 08 năm 1971

của BỘ NỘI VỤ.

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Lê Tấn Trĩ

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 24 tháng 04 năm 1937

Nơi sinh

Sa Đéc.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

48/3 ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Thuận, thị xã Sa Đéc.

Can tội Đại úy tiểu đoàn phó

Bị bắt ngày

20/06/1975.

Án phạt

TTCT.

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tăng án

lần, cộng thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

48/3 ấp Vĩnh Thuận; Vĩnh Thuận; thị xã Sa Đéc.

Nhận xét quá trình tái tạo

Quản chế 12 tháng.

Tiền đi đường và ăn 87 đồng

Lần tay ngón trỏ phải

Của

Lê Tấn Trĩ.

Danh liên số

04380.

Lập tại

Xuân Lộc.

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 01 tháng 9 năm 19 81

Giám thị

Lê Tấn Trĩ.

Tung tá; Trình văn

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Xuân Lộc.

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số 367 GRT

0	0	3	3	7	9	0	3	0	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 56/QĐ. ngày 28 tháng 08 năm 1961

của BỘ NỘI VỤ.

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Lê tấn Trĩ

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 24 tháng 04 năm 1937

Nơi sinh

Sa Đéc.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

48/3 ấp Vĩnh thuận, xã Vĩnh Phước, thị xã Sa Đéc.

Can tội Đại úy tiểu đoàn phó

Bị bắt ngày

20/06/1975.

Án phạt

TTCT

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tăng án

lần, cộng thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

48/3 ấp Vĩnh thuận; Vĩnh thuận; thị xã Sa Đéc.

Nhận xét quá trình tái tạo

Quản chế 12 tháng.

Tiền đi đường và ăn 27 đồng

Lấn tay ngón trỏ phải

Của

Lê tấn Trĩ.

Danh bìn số

04380.

Lập tại

Xuân Lộc.

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Ngày 01 tháng 9 năm 19 81

Giám thị

Lê tấn Trĩ.

Tung tã; trình văn

LÊ-TÂN-TRÍ
48/3 TRẦN-PHÚ
K2, P1 THỊ XÃ SAĐEC



APR 30 1990

Hình gửi: Bà KHUOC-MINH-THO
PO. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Mỹ. USA

T309] 11070*

Đ. H. V. V.
Trời Quân Lực

Số: 367.000

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc

Mẫu số 001-QH
ban hành theo
cộng văn số 2/
ngày 27-11-1981

0/0/3/3/7/9/0/5/6/0/2

shold

Q. X. Y. R. A. T. H. A. I

Theo thông tư số 366-BCA/TT ngày 31-05-1961 của Bộ Nội vụ;
Thi hành án và quyết định của số 56/80 ngày 28 tháng 8 năm 1981
của hội nghị và

Nay cấp giấy cho anh, chị có tên sau đây:

Họ tên khi sinh Lê Văn Cường

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 24 tháng 04 năm 1937

Nơi sinh Sađec

Nơi công lý nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

28/3 ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Phước, thị xã Sađec

Cơ sở tại Đại úy Giuân đoàn 3

Bị bắt ngày 20-06-1975 tại TTCT

Theo quyết định của văn số ngày tháng năm

của

Số bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Số được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 28/3 ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Phước, thị xã Sađec

Nhận xét quá trình cải tạo

Quản chế 12 tháng

Trình độ tương đương văn 27 đ

Lần này nhận tại phái
của Lê Văn Cường
Đang làm số 04380
cấp tại Quân Lực

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy
ký tên
Lê Văn Cường

Ngày 01 tháng 9 năm 81
giám thị
Ký tên và đóng dấu
Trương tá, Trình văn Thích

Xáo nhân:

Đài tôn Đại úy trong
chức đồ cũ đã học tập cải tạo
trở về quê hương ở tại Số nhà
48/3 là sự thật

Tổ 3 Khu 5 ngày 03/09/81

T.M. Tô Trường

Tổ trưởng Nguyễn Văn Nở
(Đã ký)

Số 94/CT/CA

Chúng tôi Lê - Tân - Trần cấp báo
Đại úy chức đồ cũ đã trước cải tạo
tập được trở về nguyên quán và
cư ngụ tại nhà số 48/3 ấp Vĩnh Tân
Xã Vĩnh Phước, thị xã Bắ C.

Đường số cơ quan chức là thật.

Vĩnh Tân, ngày 03 tháng 9 năm 81

T.M. Ban nhân dân ấp

Phó ban P/T CA

Huyệnh Văn Tấn

(Đã ký)

Chúng nhân:

Đường số có tên trình diện
tại xã Vĩnh Phước

Vĩnh Phước, ngày 03-9-81

T.M. CA xã

Phó CA

Có mặt Phư

(Đã ký và đóng dấu)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viet-Nam

BỘ TƯ-PhÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PhÁP NAM-Phân
Services Judiciaires du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA VINH-LONG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

SADEB nay la VINH-LONG

(NAM-Phân)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1967
(Année)

SỐ HIỆU 21.
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	Lê-tấn-Trí
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	Nam
Sinh ngày nào. (Date de naissance)	Vingt quatre Avril 1967
Sinh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Hòa-Long
Tên họ cha. (Nom et prénom du père)	Lê-văn-Vinh
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Hòa-Long
Tên họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	Trương-thị-Thiếu
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Hòa-Long
Vợ chánh hay vợ thứ. (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Cùng tôi, Nguyễn-Tiến-Dung

Chánh-án Tòa

(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp cho ký tên của

Ông Võ-Thành-Liễn

Chánh-Lục-sự Tòa-án sở tại.

(Greffier en chef dudit tribunal).

Vinh-Long, ngày 1/6/ 1967

CHÍNH-LỤC-SỰ

(LE PRÉSIDENT).

Trích y bốn chánh,
(Pour extrait conforme).

Vinh-Long, ngày 1/6/ 1967

CHÍNH-LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF).

[Signature]

[Signature]

Gửi kèm 5000

(Cost) 7948

Bản lại số

(Quittance n°)

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Trích lục bản khởi thảo lưu trữ tại phòng Lục sự Tòa Hoà-Giải, Châu Đốc

Đu 28 Mai 1949

Affaire n° 51

ACTE DE NOTORIÉTÉ tenant lieu d'ACTE DE NAISSANCE de
HUYEN-KIM-DUNG



L'an mil neuf cent quarante neuf, et le 28 Mai à dix heures,

Nous, G. MINODIER, Juge de Paix à Compétence Étendue de Châu Đốc, étant en notre Cabinet, sis au Palais de Justice de ladite ville, assisté de Monsieur Dương-Duc-Thụy, Greffier

Vu les déclarations des témoins :

- 1) Nguyễn-văn-Nhân, 46 ans,
- 2) Đỗ-hàn-Hạnh, 51 ans, conseiller de province
- 3) Đỗ-hữu-Lê, 30 ans,

domiciliés tous à Châu Đốc-ville
lesquels, serment préalablement prêté ont déclaré
et attesté connaître parfaitement HUYEN-KIM-DUNG et savoir
qu'elle est née en l'année mil neuf cent trente huit (1938)
au village de Vĩnh-Hựu, province de Châu Đốc, de Huyện-trung-
Hoành et de Trăn-ngọc-Kuân .

Et qu'il est à leur connaissance que les causes pour
lesquelles il ne peut obtenir la représentation de l'acte de
naissance de HUYEN-KIM-DUNG et sa, proviennent de la destruc-
tion de l'original de cet acte .

Signé : G. MINODIER DƯƠNG-DUC-THUY

En marge est écrit :

Enregistré à Vĩnh Long

le sept Juin 1949, folio 57 case 954 volume 58

Reçu : gratis ./.

Lo Receveur de l'Enregistrement signé : NGUYEN-THI-TAM (ca-
chet) .

TRICH Y THUC-BAN CHINH

Giá tiền : 5000

LỤC SỰ

MARIAGE DU 1^{er} DEGRÉ

Hôn thú bậc thứ nhất

Số biên 46
(1)

Nom et prénoms de l'époux
Tên, họ người chồng

Sa profession
Làm nghề gì

Lieu de sa naissance
Sanh tại chỗ nào

Date de sa naissance
Sanh ngày nào

Son domicile
Nhà cửa ở đâu

Nom et prénoms du père de l'époux
(Indiquer s'il est vivant ou décédé)
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói)

Son âge
Mấy tuổi

Sa profession
Làm nghề gì

Son domicile
Nhà cửa ở đâu

Nom et prénoms de sa mère (Indiquer si elle est vivante ou décédée)
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói)

Son âge
Mấy tuổi

Sa profession
Làm nghề gì

Son domicile
Nhà cửa ở đâu

Nom et prénoms de la personne qui
procède au mariage, côté de l'époux
Tên, họ chủ hôn bên trai

Son âge
Mấy tuổi

Sa profession
Làm nghề gì

Son domicile
Nhà cửa ở đâu

Nom et prénoms de l'épouse
Tên, họ người vợ

Son rang de femme mariée
Vợ chính hay là vợ thứ

Sa profession
Làm nghề gì

Lieu de sa naissance
Sanh tại chỗ nào

Date de sa naissance
Sanh ngày nào

Son domicile
Nhà cửa ở đâu

Nom et prénoms du père de l'épouse
(Indiquer s'il est vivant ou décédé)
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói)

Son âge
Mấy tuổi

Sa profession
Làm nghề gì

Son domicile
Nhà cửa ở đâu

Lê Văn Quý

Cán bộ dân vệ đoàn

Hòa Long Sadec

24/09/1934

Hòa Long Sadec

Trần Văn Vĩnh

50 tuổi

Buôn Bân

Hòa Long Sadec

Trương Thị Châu

46 tuổi

Buôn Bân

Hòa Long Sadec

Trần Văn Vĩnh

50 tuổi

Buôn Bân

Hòa Long Sadec

Nguyễn Kim Trung

vợ chính

Buôn Bân

Vĩnh Hậu Chaudieu

22 Septembre 1938

Chaudieu

Nguyễn Hưng Hoàng

54 tuổi

Buôn Bân

Chaudieu

(1) Mariage pour la mention, en résumé des jugements rectificatifs des actes de l'état-civil.

(1) Là chưa đủ lý do biên án thì chỉ lấy hôn thú lại.

Nom et prénoms de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée) Tên, họ mẹ vợ (chết sống phải ghi)	Trần ngọc Xuân
Son âge. — Mấy tuổi.	48 tuổi
Sa profession. — Làm nghề gì.	Buôn bán
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu.	Chaulhư
Nom et prénoms de la personne qui procède au mariage du côté de l'épouse Tên, họ chủ hôn bên gái	Nguyễn Trung Hoàn
Son âge. — Mấy tuổi.	55 tuổi
Sa profession. — Làm nghề gì.	Buôn bán
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu.	Chaulhư
Nom et prénoms de l'entremetteur du mariage Tên, họ người làm mai	
Son âge. — Mấy tuổi.	
Sa profession. — Làm nghề gì.	
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu.	
Nom et prénoms du 1er témoin Tên, họ người chứng thứ nhất	Nguyễn Văn Hòa
Son âge. — Mấy tuổi.	51 tuổi
Sa profession. — Làm nghề gì.	Y tá
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu.	Chợ Thanh Tân
Nom et prénoms du 2 ^e témoin Tên, họ người chứng thứ nhì	Nguyễn Văn Cường
Son âge. — Mấy tuổi.	60 tuổi
Sa profession. — Làm nghề gì.	Buôn bán
Son domicile. — Nhà cửa ở đâu.	Chaulhư

Chúng tôi
Sở Dân Hòa Đồng của Chaulhư

Chaulhư, ngày 19/4 đ. 1957
Hội viên H.Đ. Tích,



Les époux,

Vợ chồng
Đỗ Văn Đức

Nguyễn Kim Dung

L'Officier de l'Etat Civil,

Ủy viên Hộ tịch,

Hà Văn Công

L'entremetteur,

Mai nhân,

X

Les pères

et mères, (các người cha mẹ)

Đỗ Văn Đức

Nguyễn Trung Hoàn

Les pères et mères,

Cha mẹ hai bên,

Đỗ Văn Đức

Nguyễn Trung Hoàn

Nguyễn Văn Hòa

Nguyễn Văn Cường

NOTA. — Les blancs non utilisés devront être remis au notaire.

PHẢI ĐÓNG: Chỗ trống không dùng tới thì phải đóng lại.

Chuyển đến

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm
Ký tên đóng dấu

Từ ngày tháng năm
Ký tên đóng dấu

Chuyển đến

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

NHỮNG VIỆC HỜI KHẮC

Nội dung

Nội dung

Ngày tháng năm
Trưởng công an

Ngày tháng năm
Trưởng công an

Nội dung

Nội dung

Ngày tháng năm
Trưởng công an

Ngày tháng năm
Trưởng công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số: 5/2

Tên của chủ hộ: Trần Văn Hùng

Số nhà: 48/3 Ngõ (hẻm):

Đường phố: Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: Bình Dương

Tỉnh, thành phố: Bình Dương

Ngày tháng năm
Trưởng công an
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Signature)

(Signature)

44/60

NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với Chủ Hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày, tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Trần Ngọc Xuân	1909	Nữ	Chủ hộ	(-)		10-11-1976		
02	Huỳnh Kim Dung	1978	Nữ	con ruột	Chợ Thiên 45/3 Vĩnh Phước		10-11-1976		
03	Lê Thị Hương Giang	1957	Nữ	cháu ngoại	Chợ Thiên 45/3 Vĩnh Phước		10-11-1976		
04	Lê Thị Bích Châu	1960	Nữ	cháu ngoại	Chợ Thiên Chợ Thiên		10-11-1976		
05	Lê Thị Liên Phương	1967	Nữ	cháu ngoại	Học sinh (Trường Trần Hưng Đạo)		10-11-1976		
06	Lê Minh Tuấn	1959	Nam	cháu ngoại	Học sinh (Trường Trần Hưng Đạo)		10-11-1976	Đã đăng ký	Mi phạm 23.9.88
07	Lê Minh Cường	1971	Nam	cháu ngoại	Học sinh (Trường Trần Hưng Đạo)		10-11-1976		
08	Nguyễn Thị Anh Thư	19-10-1978	Nữ	cháu nội	Cô		17-01-1979		
09	Lê Tôn Quý	1937	Nam	cháu nội	Chợ		14-09-81		
10	Lê Minh Trung	1987	Nam	cháu			04-08-88		

SỐ HIỆU 493

KHAI SANH



Đã kiểm đúng Bộ đôi
Bộ Trách Hộ tịch

Chữ

Tên họ đủ nhì :	Lê Minh Trường
Phái :	Nam
Sinh :	Đời hai tháng tư năm 1971
Ngày, tháng, năm	
Tại :	Bảo sanh viên Sáo
Cha :	Lê Tân Trú
Tên họ	
Tuổi :	34 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư trú tại :	KBC.3835
Mẹ :	Nguyễn Kim Dung
Tên họ	
Tuổi :	33 tuổi
Nghề :	Nội trợ
Cư trú tại :	Tân Vĩnh Hòa
Vợ :	Vị chính
Chồng hay thờ	
Người khai :	Lê Tân Trú
Tên họ	
Tuổi :	34 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư trú tại :	KBC.3835
Ngày khai :	14 tháng 4 năm 1971
Người chứng thứ nhất :	Đặng Văn Khôn
Tên họ	
Tuổi :	32 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư trú tại :	KBC.3835
Người chứng thứ nhì :	Thái Văn Thi
Tên họ	
Tuổi :	61 tuổi
Nghề :	Đầu bếp
Cư trú tại :	Tân Vĩnh Hòa

TRICH Y ĐO CHANH
Tân Vĩnh Hòa, ngày 19 tháng 4 năm 1971
ỦY VIÊN HỘ TỊCH

Lưu tại xã TÂN VĨNH HÒA ngày 15 tháng 4 năm 1971
Người khai Ủy viên Hộ tịch Nhân Chứng

Ký tên : Trú

Ký tên : DUYỀN

Ký tên : Khôn

: Thi

KHAI SANH

Nhận thực chứng ký tên của
Hội đồng Xã Châu Phú
Châu Phú, ngày 16/6/64
QUẬN TUYÊN

Tên, họ ưu nhi: LE-THI HUONG-GIANG

Phái: Nữ

Sinh: Hai mươi hai tháng 11 d1

(Ngày, tháng, năm)

1.957

Tại: Châu-Phú

Cha: Le-tấn-Trí

(Tên họ)

Tuổi: Hai mươi

Nghề-nghiệp: Cán-bộ Vệ-Đồn

Cư trú tại: Long-Xuyên

Mẹ: Huỳnh-kim-Dung

(Tên họ)

Tuổi: Mười chín

Nghề-nghiệp: Một thợ

Cư trú tại: Châu-Phú

Vợ: Vợ chánh

(Chánh vợ chồng)

Người khai: Trần-thị-Thị

(Tên họ)

Tuổi: Ba mươi mốt

Nghề-nghiệp: Cố đờ

Cư trú tại: Châu-Phú

Ngày khai:

Người chứng thứ nhất: Đỗ-thị-Nguyệt

(Tên họ)

Tuổi: Ba mươi mốt

Nghề-nghiệp: Cố đờ

Cư trú tại: Châu-Phú

Người chứng thứ nhì: Huỳnh-kim-Nguyệt

(Tên họ)

Tuổi: Hai mươi ba

Nghề-nghiệp: Cố đờ

Cư trú tại: Châu-Phú

Nhận thực chứng ký tên của
Hội viên Hộ-Tịch dưới đây:
Đại-Diện Xã,

Trích lục y theo bộ dờ:

-năm 1.957/

Châu-phú, ngày 16/6/1.964

Hội Viên Hộ-Tịch,

Hà-văn-Tông

Lập tại Xã Châu-Phú

Người khai,

Hộ lại,

Nhân chứng,

Trần-thị-Thị

Hà-văn-Tông

Đỗ-thị-Nguyệt

Huỳnh-kim-Nguyệt

Ngày-25-tháng-11-1.957

Tên, họ quân nhân: **LÊ-THỊ-BÍCH-THUY**
 Phái: **NỮ**
 Sinh: **Hai mươi bốn tháng mười hai dương-lịch** 24/12
 (Ngày, tháng, năm)
năm một ngàn chín trăm sáu mươi
 Tại: **Mỹ-Phước**
 Cha: **LÊ-TẤN-TRÍ**
 (Tên họ)
 Tuổi: **Hai mươi ba tuổi**
 Nghề-nghiệp: **Quân-nhân**
 Cư trú tại: **Mỹ-Phước**
 Mẹ: **HOÀNG-KIM-DUNG**
 (Tên họ)
 Tuổi: **Hai mươi hai tuổi**
 Nghề-nghiệp: **Buôn bán**
 Cư trú tại: **Mỹ-Phước**
 Vợ: **Vợ chánh**
 (Chánh tức như)
 Người khai: **Phan-văn-Bân**
 (Tên họ)
 Tuổi: **Năm mươi bảy tuổi**
 Nghề-nghiệp: **Báo-sĩ**
 Cư trú tại: **Mỹ-Phước**
 Ngày khai: **28 tháng 12 đl 1960**
 Người chứng thư như: **HOÀNG-THỊ-LỢ**
 (Tên họ)
 Tuổi: **Hai mươi ba tuổi**
 Nghề-nghiệp: **Nữ-hộ-sinh**
 Cư trú tại: **Mỹ-Phước**
 Người chứng thư như: **HOÀNG-THỊ-Ồ**
 (Tên họ)
 Tuổi: **Năm mươi tuổi**
 Nghề-nghiệp: **Lao-công**
 Cư trú tại: **Mỹ-Phước**

Lập tại Xa **Mỹ-Phước** ngày **28** tháng **12** năm **1960**

Người khai, **PHAN-VĂN-BÂN** (ký tên)
 Hộ lại, **NGUYỄN-HỮU-HẠNH** (ký tên)
 Nhân chứng, **HOÀNG-THỊ-LỢ** (ký tên)
HOÀNG-THỊ-Ồ (ký tên)

Số hiệu: 1285

KHAI SANH

Tên, họ đầu nhĩ: LE-THI LIEN-PHƯƠNGPhai: NUSanh: MỘT THÁNG SAU, NAM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM SAU MƯƠI BAY
(Ngày tháng năm)Tại: MY-PHUCCha: LE-TAN-THI
(tên họ)Tuổi: BẢ MƯƠI TUỔINghề-nghiệp: QUẢN LÝCư trú tại: MY-PHUCMẹ: HUY-THI-KIM-DUNG
(tên họ)Tuổi: HAI MƯƠI CHÍN TUỔINghề-nghiệp: NOI TRÒCư trú tại: MY-PHUCVợ: VO CHANH
(Chánh hay thối)Người khai: PHAN-VAN-BAN
(tên họ)Tuổi: SAU MƯƠI BỐN TUỔINghề-nghiệp: ĐẠC SĨCư trú tại: MY-PHUCNgày khai: 04 THÁNG 06 NĂM 1967Người chứng thứ nhất: LE-THI-TUỔI
(tên họ)Tuổi: HAI MƯƠI SAU TUỔINghề-nghiệp: NU HỒ SƠCư trú tại: MY-PHUCNgười chứng thứ nhì: TRAN-THI-HOÀ
(tên họ)Tuổi: BẢ MƯƠI TÁM TUỔINghề-nghiệp: LÀO CÔNGCư trú tại: MY-PHUCLập tại Xa: MY-PHUC ngày 04 tháng 06 năm 1967

Người khai, Hộ lại, Nhân chứng,

PHAN-VAN-BAN NGUYEN-DUY-HINH LE-THI-TUỔI

(ký tên) (ký tên) (ký tên)

SAO-Y
(ký tên)MỘT SỐ BẢNG TÍNH BẢNG
MỘT SỐ BẢNG TÍNH BẢNGSAO-Y
(ký tên)

CHỨNG CHÁC CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Xã diên Huyện My PhướcTỉnh ...TỔNG CỘNG: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

độc lập ☆ tự do ☆ hạnh phúc

Số hiệu 253/78

KHAI SANH

DƯA NHỎ

Họ, tên NGUYỄN THỊ ANH TRƯ Trai hay gái NỮ

Sinh ngày 19 tháng 10

năm một ngàn chín trăm 80 đời

bay nước ta

Tại Bệnh viện Sản

CON CỦA

SAC Y BƠ CHỈNH
inh Phước, ngày 05-1-79

T. QUỲN Xã,

Chủ tịch

CHA (họ và tên)

Nguyễn Quang Viên

Tuổi 19 Quốc tịch VN nghề Nai tơ

Chở ở 11 ấp Vĩnh Hiệp xã Vĩnh Phước

MẸ (họ và tên)

Lê Thị Bích Thủy

Tuổi 18 Quốc tịch VN nghề Nai tơ

Chở ở 48/3 ấp Vĩnh Thuận xã Vĩnh Phước

Vợ có hôn thú hay không NGƯỜI KHAI

Lập theo lời khai của :

Họ, tên Lê Thị Bích Thủy

Tuổi 18 Chở ở 48/3 ấp Vĩnh Thuận xã Vĩnh Phước

NGƯỜI CHỨNG

Trước mặt :

Họ, tên Hà Văn Phước

Tuổi 27 nghề Bí YẾU/TH xã Vĩnh Phước

Chở ở 130/1 ấp Vĩnh Thuận xã Vĩnh Phước

Họ, tên Nguyễn Thị Lê

Tuổi 23 nghề Nai tơ

Chở ở 48/4 ấp Vĩnh Thuận xã Vĩnh Phước

Làm tại Vĩnh Phước ngày 11 tháng 12 năm 197 8

NGƯỜI KHAI

ỦY VIÊN HỘ TỊCH

NGƯỜI CHỨNG

PCT, Nơi chính

Ký tên : Phước

Ký tên : Thủy

Ký tên : Phan Văn Thanh

Ký tên : Lê

(đồng dấu)

Thành phố, Tỉnh NT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Bộc Lập—Tự Do—Hạnh Phúc

МДн №6 НТЗ/РЗ

DÀN SẠO

S6 195 KJ 87

Quyển số II

GIẤY KHAI SINH

Họ và tên	LÊ MINH TRUNG		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	06.01.87 ngày sinh tháng ba năm một ngàn chui trăm bốn mươi bảy		
Đời sống	kính liêm sạch		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Đang <u>thời tiền</u> 1950	là <u>thị Hương Giang</u> 1957	
Dân tộc	<u>Giỏi</u>	<u>Giỏi</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Công nhân viên nhà hát</u>		
Nơi ĐKKK thường trú	<u>Cái Bè, Tiền Giang</u>		
Họ, tên, tuổi neo là CNE thường trú, số giấy chứng minh họ CNE của người đang khai	<u>là <u>thị Hương Giang</u> ngu <u>HC/3</u> <u>khối 2</u> <u>thường 2</u> <u>Bắc</u> - <u>Đang</u> <u>thời</u> <u>Số</u> <u>CNND</u> <u>34003474</u> <u>Cấp</u> <u>ngày</u> <u>30.3.75</u></u>		

NIÊN THỰC SAO Y BÀN CHÍNH

Ngày 6 tháng 7 năm 1987

TM.UBND  ký tên đóng dấu.

1. ein Reich

Đang ký ngày 6 tháng 7 năm 1987

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

7M. WIND FT

1. Eliminate

(Đã ký)

negu yin tohi tohiu y

Date : _____

TO : AMERICAN EMBASSY

Orderly Departure Program
127 Panjathum Building
South Sathorn Road
Bangkok - 10120 - THAILAND

ATTENTION :

POTENTIAL Cat. 3

(V6-2 and V6-3)

POTENTIAL NK LIST CANDIDATE

SUBJECT : Request for Immigration to the United States of America
under the Orderly Departure Program.

Dear Sir,

I undersigned :

LE TÂN - TRÍ

Sex : Nam

Date and place of birth : 24-4-1937 Hòa Long SaĐéc

Residence address : Số 48/3 Đường Trần-Phủ, Khóm 2, Phường 1, Thị-xã SaĐéc

Mailing address :

(Tỉnh Đồng-Tháp)

Usual occupation : Thợ mộc

BEFORE APRIL 30th 1975 :

Military Unit :

- Rank :

Đại úy

Serial number : KBC 3835

AFTER APRIL 30th 1975 : Học tập cải tạo tại trại Quân Huấn Đoàn - Lóc

RE-Education in detention Camp - From : 30-4-1975 to : 01-9-1981

Release from Camp : Được thả từ trại quân huấn Xuân Lóc ngày 01-9-1981

Due to difficulty of my situation and based on the authority of your organization and the spirit of humanitarian act, I wish to request your assistance and intervention with the Government of the Socialist Republic of Vietnam, in order that I and my family may be authorized to leave Vietnam under THE PROGRAM OF THE RE-EDUCATION PRISONERS WHO WERE RELEASED FROM DETENTION CAMP under The Orderly Departure Program to immigrate to the United States of America for the purpose of seeking a new life.

RELATIVES TO ACCOMPANY ME :

NAME	DOP	POB	SEX	MS	RELATIONSHIP
1 Nguyễn Kim Dung	1938	châu Phú, châu Đốc	nữ	Sống	Vợ
2 Lê Thị Hương Giang	1957	—	—	—	con
3 Lê Thị Bích Thủy	1960	mỹ Phước Long Xuyên	—	—	—
4 Lê Thị Liên Phương	1967	—	—	—	—
5 Lê Minh Luân	1969	SaĐéc	nam	—	—
6 Lê Minh Trường	1971	—	—	—	—
7 Nguyễn Thị Anh Thu	1978	—	nữ	—	cháu ngoại
8 Lê Minh Trung	1987	—	nam	—	—

Your consideration on the above to help and save me and my family will be highly appreciated.

Respectfully Yours,



Le-tân-Trí

QUESTIONNAIRES FOR EX POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

I. BASIC INFORMATION OF EX POLITICAL PRISONER IN VIETNAM :

1. Full name : LE TAN-TRI
2. Date and place of birth : 24-4-1937
3. Position before, April 1975 :
 Rank : Đại uý
 Function : Tiền Đồn Phó
 Serial Number : 37/070.335
 Name of Supervisor/C.O : Đại uý Dương Văn Thảo
4. Month/Date/Year arrested : 30-4-1975
5. Month/Date/Year out of Camp : 01-9-1981
6. Photocopy Release certificate (enclosed) Ngày ra trại số 37/GR ngày 1-9-1981
7. Present mailing address of Ex Political Prisoner : Số 18/3 Đường Trần Phú, Khóm 2, Phường 4, Thị xã SaĐec (Tỉnh Đồng Tháp)
8. Current occupation : Thợ mộc

II. LIST FULL NAME, DOB AND POB OF EX P.P. IMMEDIATELY FAMILY AND FATHER AND MOTHER :

1. Relatives to accompany :

	NAMES	D.O.B	P.O.B	SEX	MS	RELATIONSHIP
1	Nguyễn Kim-Dung	1938	Châu Phú, Châu Đốc	Nữ	Sống	Vợ
2	Le Thị Hương Giang	1957	—	—	—	Con
3	Le Thị Bích Thủy	1960	Mỹ Phước Long Xuyên	—	—	—
4	Le Thị Liên Phương	1967	—	—	—	—
5	Le Minh Luân	1969	SaĐec	Nam	—	—
6	Le Minh Trường	1971	—	—	—	—
7	Nguyễn Thị Anh Thư	1978	—	Nữ	—	Cháu ngoại
8	Le Minh Trung	1987	—	Nam	—	—

2. Complete family listing (living/dead) of Ex Political Prisoner :

	NAMES	ADDRESS
:	:	:
:	:	:
:	:	:
:	:	:
:	:	:
:	:	:
:	:	:
:	:	:
:	:	:

III. RELATIVES OUT SIDE VIETNAM :

1. Closest relatives in US :

- Name :
- Relationship :
- Address :

2. Closest relatives in other foreign countries :

- Name :
- Relationship :
- Address :

IV. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY :

1. Examination until now :
2. Replied from Bangkok ODP:
3. The ODP Bangkok LGT :

V. COMMENT REMARKS :

Enclosures : Copies of :

Sincerely Yours,

Wm

W-tai-Tai

Sabio, ngày 25-9-1989

Thính thư chú,

Trước em trong Kinh tham chi được dōi-
khai sức khỏe, sau này em có chút nể
nhờ chú giúp đỡ dùm em.

Em đi học tập đến năm 1986 mới về,
mới đến hôm nay em mới gởi đơn ra hồ sơ
tên chú được, cũng vì kinh tế gia - đình
hết sức khó khăn, mong chú thông cảm mà
giúp đỡ cho em. Trong hồ sơ có dấu là -
mình luân không có tên trong hồ khẩu vì
cháu nó đi học Cao đẳng sử phạm em sẽ
lấy giấy chứng nhận của nhà trường gởi
hồ tước sau. Đang lý em, gởi hồ sơ này
tên Thái Lan nhưng vì quá trễ, em gởi
thẳng đến chú, mong chú giúp đỡ của chú, nếu
hồ sơ còn thiếu sót xin chú cho em biết để
lưu tước.

Em rất mong chú giúp đỡ và trả lời cho
em biết. Em thành thật biết ơn chú.

Em



Lê Tân Trại

2420

3K

mk 12,4x6

8/8



Lê-tân - Trí

Sinh năm 1937

2468

Huỳnh Kim Dung

Sinh năm 1938

8977

Lê thị Hương Giang

Sinh năm 1957

Lê thị Liên Phường

Sinh năm 1957

2468



Lê Minh Luân

Sinh năm 1969

Lê Minh Trường

Sinh năm 1971

Nguyễn Thị Anh Thu

Sinh năm 1978

Lê Minh Trung

Sinh năm 1987

CONTROL

____ Card
____ ~~y~~ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

10/31/89